

Khám Sức Khỏe

Dựa trên các giá trị tiêu chuẩn của Hiệp hội Kiểm tra Sức khỏe Nhật Bản, chúng tôi cung cấp nhiều loại hình khám sức khỏe khác nhau, bao gồm: khám sức khỏe tổng quát theo quy định của “Luật An toàn và Vệ sinh Lao động” tại Nhật Bản; khám sức khỏe phòng ngừa bệnh lý lối sống có bao gồm kiểm tra dạ dày; khám sức khỏe toàn diện có xét nghiệm dấu ấn ung thư và kiểm tra đáy mắt – nhãn áp; khám đặc biệt có chụp CT ngực; cũng như khám sức khỏe phục vụ hồ sơ xin Giấy phép lao động (Work Permit) theo quy định của pháp luật (Thông tư 32/2023/TT-BYT)

BẢNG PHÍ KHÁM SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

Tháng 1/3026

DANH MỤC KIỂM TRA	NỘI DUNG KIỂM TRA	Khám Đặc Biệt	Khám Sức Khỏe Tổng Quát	Khám Tầm Soát Bệnh Do Lối Sống	Khám Sức Khỏe Định Kỳ	Gói Cơ Bản
		Gói CT	Gói S	Gói A	Gói B	
Khám tổng quát	Nhân khoa, da liễu, ngoại khoa, tai mũi họng, nội khoa (hỏi bệnh, nghe – gõ chân đoán, chẩn đoán tổng quát)	○	○	○	○	○
	Đo các chỉ số cơ thể (Chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, vòng bụng, mạch)	○	○	○	○	○
	Huyết áp (Tâm trương, Tâm thu) *Đo 2 lần lấy giá trị trung bình	○	○	○	○	○
	Khám nha khoa	—	—	—	—	○
Xét nghiệm nước tiểu	Đường • Protein • BLD • pH • Urobilinogen • Bilirubin • Thử ketone • Cẩn nước tiểu (Bạch cầu • Hồng cầu • Khác)	○	○	○	○	○
Xét nghiệm phân	Xét nghiệm máu ẩn trong phân (2 lần)	○	○	○	—	—
Điện tâm đồ	Điện tâm đồ 12 chuyển đạo chuẩn khi nghỉ	○	○	○	○	○
Xét nghiệm máu tổng quát	Bạch cầu, hồng cầu, tiểu cầu	○	○	○	○	○
	Huyết sắc tố, hematocrit,MCV,MCH • MCHC, bạch cầu (Neut, bazo, eosi, lymph)	○	○	○	○	—
Xét nghiệm sinh hóa	Cholesterol toàn phần	○	○	○	○	—
	Chất béo trung tính (triglyceride)	○	○	○	○	—
	Cholesterol HDL , cholesterol LDL	○	○	○	○	—
	Cholesterol Non-HDL	○	○	○	○	—
	Axit uric	○	○	○	○	—
	Ure, creatinine, eGFR (đánh giá chức năng thận)	○	○	○	○	○
	Sắt huyết thanh	○	○	—	—	—
	Amylase	○	○	—	—	—
	Protein huyết thanh	○	○	○	—	—
	Albumin, globulin, tỷ lệ A/G	○	○	—	—	—
Đường huyết	Chỉ số đường huyết lúc đói (Glucose)	○	○	○	○	○
	HbA1c	○	○	—	—	—
Chức năng gan	GOT (AST) • GPT (ALT)	○	○	○	○	○
	γ-GTP (GGT)	○	○	○	○	—
	ALP	○	○	○	—	—
	LDH	○	○	—	—	—
	Bilirubin toàn phần	○	○	○	—	—
Viêm gan	HAV (Kháng thể viêm gan A)	○	○	○	○	—
	HBsAg (Kháng nguyên viêm gan B)	○	○	○	○	—
	HBsAb (Kháng thể viêm gan B)	○	○	○	○	—
Chất chỉ điểm ung thư (Tumor marker)	AFP (Ung thư gan v.v.)	○	○	—	—	—
	CEA (Ung thư đại tràng v.v.)	○	○	—	—	—
	CA19-9 (Ung thư gan và ung thư đường mật, v.v.)	○	○	—	—	—
	CA125 (Ung thư buồng trứng, lạc nội mạc tử cung, v.v.)	Nữ giới	Nữ giới	—	—	—
	PSA (Ung thư tuyến tiền liệt v.v)	Nam giới	Nam giới	—	—	—
Phản ứng viêm	CRP	○	○	○	—	—
Thính lực	1000Hz • 4000Hz	○	○	○	○	* 1
Thị lực	Thị lực không kính - Thị lực có kính	○	○	○	○	○
Đáy mắt	Soi đáy mắt bằng kính (để kiểm tra xơ cứng động mạch, v.v.)	○	○	—	—	—
Nhãn áp	Bệnh tăng nhãn áp (glaucoma)	○	○	—	—	—
Siêu âm ổ bụng	Gan, túi mật, tụy, thận, lách	○	○	○	—	—
Chẩn đoán hình ảnh vùng ngực	Chụp X-quang ngực thẳng (chụp trực tiếp)	—	○	○	○	○
	Chụp CT ngực	○	—	—	—	—
Chụp X-Quang dạ dày	Chụp thực quản, dạ dày, tá tràng có thuốc cản quang	○	○	○	—	—
Bảo cáo y tế	Báo cáo tổng hợp bằng tiếng Nhật	○	○	○	○	—
	Báo cáo y tế WP	—	—	—	—	○
Phí khám	VND	20,784,000	18,144,000	13,666,000	4,944,000	1,953,000
Phụ phí của WP	Khám nha khoa+WP Báo cáo y tế	1,160,000	1,160,000	1,160,000	1,160,000	* 2
Khám sức khỏe tổng quát + WP	VND	21,944,000	19,304,000	14,826,000	6,104,000	

* 1 Đối với khám sức khỏe WP khi khám chuyên khoa tai mũi họng sẽ được thực hiện bằng phương pháp trao đổi trực tiếp.

* 2 Đối với khám sức khỏe WP, nữ giới sẽ phát sinh thêm phí 600.000 VND cho khám trong (chỉ dành cho người có nguyện vọng), khám phụ khoa.

©Đối với khám WP hãy mang theo 02 Ảnh 4x6 cm • Nền trắng vào ngày khám.

Các xét nghiệm bổ sung chính (xét nghiệm tùy chọn)

【Phụ nữ trưởng thành】

DANH MỤC KIỂM TRA	NỘI DUNG KIỂM TRA	PHÍ KHÁM (VND)
Khám sản phụ khoa	Khám phụ khoa + khám trong (khám trong chỉ dành cho người có nhu cầu) * 1	600,000
	Khám phụ khoa và xét nghiệm tế bào cổ tử cung, khám trong	1,110,000
	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung, siêu âm qua âm đạo, xét nghiệm dịch âm đạo, khám phụ khoa	2,930,000
Xét nghiệm HPV	Xét nghiệm virus HPV (Human Papillomavirus)	1,600,000
Kiểm tra tuyến vú	Khám vú (siêu âm vú và chụp nhũ ảnh)	5,180,000
	Khám vú (siêu âm vú và chụp nhũ ảnh 3D)	6,000,000
	Siêu âm vú	2,100,000
	Chụp nhũ ảnh	4,000,000
	Chụp nhũ ảnh 3D	5,000,000

* 1 Đối với nữ, khi khám sức khỏe để xin giấy phép lao động (WP), việc khám phụ khoa là bắt buộc. Khám trong chỉ dành cho những người có nhu cầu."

【Các mục khác】

DANH MỤC KIỂM TRA	NỘI DUNG KIỂM TRA	PHÍ KHÁM (VND)
Siêu âm	Ổ bụng (gan, túi mật, tụy, thận, lách)	1,500,000
	Từng bộ phận như tuyến giáp, tuyến tiền liệt, v.v.	1,200,000
	Động mạch cảnh	1,500,000
Đường tiêu hóa trên	Nội soi đường tiêu hóa trên (nội soi dạ dày) * 1	10,600,000
	Chụp X-quang có thuốc cản quang (chụp barium dạ dày)	6,000,000
Đường tiêu hóa dưới	Nội soi đường tiêu hóa dưới (nội soi đại tràng) * 1	15,000,000
Xét Nghiệm vi khuẩn HP	Xét nghiệm vi khuẩn Helicobacter pylori (Xét nghiệm kháng thể trong máu)	408,000
Chức năng phổi	Thử tích phổi, tỉ lệ hô hấp trong 1 giây, v.v.	960,000
Đáy mắt	Chụp đáy mắt không giãn đồng tử (kiểm tra xơ cứng động mạch, v.v.)	960,000
Đo nhãn áp	Bệnh tăng nhãn áp	696,000
Chụp CT	Chụp CT đầu	5,000,000
	Chụp CT ngực	3,240,000
Chụp MRI	Chụp MRI đầu và MRA (theo dõi tại bệnh viện khác)	-
Xét nghiệm máu tuyến giáp	Xét nghiệm TSH, FT3, FT4 (bệnh Basedow, v.v.)	720,000
Xét nghiệm dị ứng	IgE,Xét nghiệm 60 loại dị nguyên	3,000,000
Viêm gan	Viêm gan C	270,000
Giang mai	RPR・TPHA	800,000
Xét nghiệm phân	Xét nghiệm máu ẩn trong phân (định tính)	210,000
	Xét nghiệm máu ẩn trong phân (kính hiển vi)	500,000
	Xét nghiệm trứng ký sinh trùng trong phân	210,000
Khám nha khoa	Sâu răng, các bệnh lý trong khoang miệng, bệnh nha chu, v.v.	300,000
Tai mũi họng	Nội soi hầu họng	360,000

* 1 Trong giá đã bao gồm có thuốc an thần. Trong trường hợp khách hàng không có nguyện vọng sử dụng thuốc an thần hãy trao đổi trước.